TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1022/2023/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 727/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1988; cư trú tại: Số Y đường P, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Lê Quang N, sinh năm 1983; cư trú tại: Số T, đường N, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông N và bà H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2021 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 29 tháng 05 năm 2023 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/7/2023 ông N và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 01 con chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông N và bà H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang N và bà Trần Thị Kim H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2021 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có một con chung tên là Lê Quang H, sinh ngày 04/8/2021 giao cho bà H nuôi dưỡng; ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2023.

Kể từ khi bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, Lê Quang N chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Lê Quang N còn pN trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành, lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ kiên này.

2. Về lệ phí: Lệ phí phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng ông N, bà H pN chịu mỗi người 150.000 đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã đóng tạm nộp, theo biên lai thu số AA/2023/0011771 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N, bà H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người pN thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND phường 12, Q.Gò Vấp ;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình